

Bản án số: 58/2021/HS-ST
Ngày 17-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi.

Ông Đỗ Thế Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 02/8/2021 về phần vật chứng trong vụ án hình sự bị cáo Trương Văn D phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 13/2021/HS-PT ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và Văn bản số 87/VKS ngày 01/7/2021 về việc chuyển hồ sơ vụ án hình sự để Tòa án giải quyết lại phần vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Trương Thị R sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Ông Đào Văn C sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A Pasteur, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ Phòng giao dịch Hải An - Chi nhánh Hải Phòng - Số 523 - 525 N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Ông Trương Văn D sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bà Đồng Thị P sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung tóm tắt như sau:

Ngày 22/6/2020 anh Hoàng Văn V sinh năm 1973 ở địa chỉ thôn N, xã A, huyện A phát hiện trong đàn bò của gia đình anh đang chăn thả ở bãi sông cạnh bên phả Kiên cũ bị mất 02 con bò to nên đã trình báo Công an xã An Hồng. Nhận được tin báo, công an huyện An Dương phối hợp với công an xã An Hồng truy tìm. Phát hiện chiếc xe ô tô BKS 15C335-73 do Trương Văn Đ sinh năm 1993 ở địa chỉ thôn D, xã L, huyện A điều khiển trên đường 208 thuộc địa phận thôn H, xã H, huyện A chở 02 con bò có đặc điểm nhận dạng phù hợp với 02 con bò anh V bị mất. Trương Văn D khai: Khoảng 20 giờ ngày 22/6/2020 D nhận được điện thoại của Đỗ Văn L sinh năm 1972 ở địa chỉ thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương gạ bán 02 con bò với giá 45.500.000 đồng. Liên nói với D là bò trộm cắp được, D đồng ý mua. D gọi điện cho con trai là Trương Văn Đ điều khiển xe ô tô BKS 15C335-73 đến để chở bò đi sang huyện A gửi. Trên đường đi thì Đ bị kiểm tra phát hiện như đã nêu trên. Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã xét xử Trương Văn D về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tịch thu sung công chiếc xe ô tô BKS 15C335-73 do đây là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện tội phạm. Bản án hình sự phúc thẩm số 13/2021/HS-PT ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định hủy phần xử lý vật chứng chiếc xe ô tô BKS 15C335-73 của Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 02/12/2020 để điều tra làm rõ chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe ô tô trên, đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật. Chiếc xe ô tô BKS 15C335-73 hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương quản lý.

Căn cứ vào Bản án hình sự phúc thẩm trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương đã ban hành quyết định số 01 ngày 22/02/2021 về việc trả hồ sơ vụ án cho Công an huyện An Dương để điều tra lại phần vật chứng chiếc xe ô tô BKS 15C335-73 trong vụ án theo hướng nêu trên.

Kết quả điều tra lại của Công an huyện An Dương xác định được như sau: Về nguồn gốc xe ô tô BKS 15C335-73 là do bà Trương Thị R và chồng là ông Đào Văn C ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải là xe ô tô BKS 15C335-73 với Ngân hàng TMCP Q ngày 26/7/2019 để vay số tiền 260.000.000 đồng. Thời hạn vay 6 năm kể từ ngày 27/7/2019 đến ngày 26/7/2025. Hợp đồng thỏa thuận về lãi suất, kỳ hạn thanh toán, phương thức thanh toán: trả góp hàng tháng (cả gốc và lãi) 3.600.000đ/tháng. Giấy đăng ký xe ô tô mang tên Trương Thị R và do Ngân hàng giữ, bà R có quyền sử dụng xe ô tô trong suốt thời hạn hợp đồng nhưng cho đến khi bà R thanh toán được toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì không được bán, tặng cho, chuyển nhượng, trao đổi, cho thuê, cho mượn...mà không có chấp thuận bằng văn bản của ngân hàng. Bà Trương Thị R, Trương Văn D và Đồng Thị P (vợ D) khai nhận: Bà R vay tiền và thế chấp ngân hàng chiếc xe ô tô BKS 15C335-73

như nội dung hợp đồng thế chấp là đúng. Tháng 2/2020 do không có nhu cầu sử dụng chiếc xe ô tô trên bà R bán chiếc xe ô tô cho ông D và nói rõ là xe vẫn trả góp chưa được nhận đăng ký xe (bản chính). Bà R không thông báo cho Ngân hàng và không được sự chấp thuận bằng văn bản của ngân hàng về việc bán xe cho ông D. Ông D đồng ý mua với giá 350.000.000 đồng, giữa hai bên viết giấy biên nhận mua bán xe và thống nhất bà R vẫn tiếp tục trả góp hàng tháng cho ngân hàng đến khi thanh toán xong thì giao giấy đăng ký xe cho ông D. Đối với tiền mua xe là tài sản chung của vợ chồng ông D và bà P hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Đến thời điểm xác minh hiện tại, hàng tháng bà R vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đầy đủ. Ngân hàng TMCP Q đề nghị Công an huyện An Dương bàn giao chiếc xe ô tô BKS 15C335-73 cho Ngân hàng để thu hồi khoản nợ do bà Trương Thị R đã vi phạm Hợp đồng thế chấp tài sản khi tự ý bán tài sản thế chấp khi chưa có sự đồng ý của Ngân hàng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu quan điểm: Chiếc xe ô tô BKS 15C-33573 là tài sản hợp pháp của bà Trương Thị R nhưng để đảm bảo cho khoản vay 260.000.000 đồng bà R đã thế chấp chiếc xe cho Ngân hàng, theo thỏa thuận hợp đồng thì giấy đăng ký xe ô tô do Ngân hàng giữ, bà R có quyền sử dụng xe ô tô trong suốt thời hạn hợp đồng nhưng cho đến khi bà R thanh toán được toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì không được bán, tặng cho, chuyển nhượng, trao đổi, cho thuê, cho mượn...mà không có chấp thuận bằng văn bản của ngân hàng. Thời điểm tháng 2/2020 khi bà R bán xe cho ông D thì chiếc xe ô tô BKS 15C-33573 vẫn chưa được giải chấp. Bà Trương Thị R không có quyền định đoạt đối với xe ô tô BKS 15C-33573, giao dịch mua bán xe ô tô BKS 15C-33573 giữa bà Trương Thị R và Trương Văn D là vô hiệu. Trương Văn D đã sử dụng chiếc xe ô tô BKS 15C-33573 làm phương tiện phạm tội nhưng xe ô tô BKS 15C-33573 không phải tài sản hợp pháp của Trương Văn D nên không có căn cứ tịch thu sung công đối với chiếc xe ô tô BKS 15C-33573. Vì vậy, khi xử lý vật chứng trong vụ án cần phải giao chiếc xe ô tô BKS 15C-33573 cho bà Trương Thị R tiếp tục quản lý, sử dụng theo nội dung hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa bà Trương Thị R và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, bà R có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Nếu các bên có tranh chấp thì khởi kiện tại Tòa án để giải quyết theo quy định pháp luật về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nguồn gốc xe ô tô BKS 15C335-73: Chiếc xe đứng tên chủ sở hữu là bà Trương Thị R. Ngày 26/7/2019 bà R, ông C ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải là xe ô tô BKS 15C335-73 với Ngân hàng TMCP Q để vay số tiền 260.000.000 đồng, thời hạn là 06 năm kể từ ngày 27/7/2019 đến ngày 26/7/2025. Theo thỏa thuận bên thế chấp không được bán, tặng cho, chuyển nhượng, trao đổi, cho thuê, cho mượn nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của ngân hàng.

[3] Về giấy biên nhận mua bán xe ô tô BKS 15C335-73 giữa bà R và ông D: Giấy biên nhận mua bán xe giữa các bên có nội dung bà R nhượng lại xe cho ông D với giá 350.000.000 đồng nhưng không thể hiện sự đồng ý của bên nhận thế chấp. Do tài sản chưa giải chấp, việc tự ý chuyển nhượng giữa các bên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên giấy biên nhận mua bán xe ô tô BKS 15C335-73 giữa bà R và ông D là vô hiệu. Trường hợp các bên có tranh chấp về giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu thì có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật dân sự.

[4] Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên thế chấp và xử lý tài sản thế chấp: Từ khi thế chấp cho đến hiện, tại bà R vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đầy đủ nên cần giao chiếc xe ô tô BKS 15C-33573 cho bà R tiếp tục quản lý, sử dụng theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Bà R có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng thế chấp với Ngân hàng. Trường hợp có vi phạm, phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật dân sự.

[5] Về án phí: Do vụ án chỉ giải quyết lại về phần vật chứng trong vụ án nên không có đương sự nào trong vụ án phải chịu án phí hình sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, bà R, ông C, ông D, bà P có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; giao chiếc xe ô tô BKS 15C-33573 cho bà Trương Thị R tiếp tục quản lý, sử dụng theo nội dung hợp đồng thế chấp tài sản số 166.HDDTC1.064.19 đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam với bà Trương Thị R và ông Đào Văn C ngày 26/7/2019 (Chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Về án phí: Không có đương sự nào trong vụ án phải chịu án phí hình sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị R, ông Đào Văn C, ông Trương Văn D và bà Đồng Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền kháng cáo trong thời hạn

mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người có QL,NVLQ đến vụ án;
- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra CA huyện An Dương;
- Cơ quan THAHSCA huyện An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng